

**TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27** /2017/DS- ST

Ngày 26 /9/2017

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung Kiên
2. Ông Lê Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/TLST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: Số X, đường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Người đại diện theo ủy quyền thứ nhất: Bà Phạm Thị Trung H – Phó tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Q theo văn bản ủy quyền số : 437/UQ – MB – HS ngày 02/6/2015 của chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Phạm Thị Trung H: Ông Đỗ Văn T – Giám đốc phòng giao dịch L - chi nhánh T - Ngân hàng thương mại cổ phần

Q là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 494/UQ – HS ngày 27/02/2017 của phó Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Lê Ngọc Đ

2.2 Bà Lê Thị V

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông Đỗ Ngọc T, vắng mặt ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2017 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của nguyên đơn, ông Đỗ Ngọc T trình bày:

Sau khi vợ, chồng ông Lê Ngọc Đ – bà Lê Thị V có Đơn đề nghị vay vốn gửi Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh T, ngày 19/11/2015 Hợp đồng tín dụng số: 93900.15.843.2532830.TD được ký kết giữa ông Lê Ngọc Đ và Bà Lê Thị V với Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh T. Theo đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh T chấp thuận cho ông Lê Ngọc Đ – bà Lê Thị V vay số tiền: 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn*) để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu TMT KC90D, mới 100%, màu xanh, tải trọng hàng hóa 4.45 tấn, mang biển kiểm soát 36C-136.69.

Theo hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 23/11/2015 các bên đã ký kết thỏa thuận: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11,3%/ 01 năm, Tiền lãi suất áp dụng trong 06 tháng đầu tiên là 8% / 01 năm, lãi suất cho vay giai đoạn sau là lãi suất thả nổi. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/02/2016, các ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo vào các ngày 23/5; 23/8; 23/11; 23/02 hằng năm và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân sự VND kỳ hạn 24 tháng loại trả lãi sau của ngân hàng xác định tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 4,1% / 01 năm. Trường hợp khách hàng không thực hiện trả nợ theo cam kết đầy đủ thì toàn bộ dư nợ gốc quá hạn của khoản giải ngân phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất cho vay trong hạn theo

quy định. Lãi suất quá hạn được áp dụng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn. Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận khoản tiền phạt do chậm trả lãi đối với các khoản tiền lãi đến hạn thanh toán với mức phạt là 3 % trên số tiền lãi chậm trả dưới 10 ngày, không thấp hơn 50.000 đồng; 5 % trên số tiền lãi chậm trả từ 10 ngày đến 30 ngày, không thấp hơn 50.000 đồng trả trên 30 ngày, không thấp hơn 50.000 đồng. Số tiền phạt chậm trả lãi này phải thanh toán ngay lập tức, cho dù ngân hàng có gửi yêu cầu hay không. Lãi suất trong hạn sau khi hết thời gian ưu đãi (06 tháng) là 11,3 % / 01 năm. Quá trình thực hiện hợp đồng thực hiện theo lãi suất thả nổi. Đến thời điểm ông Đ và bà V không trả được tiền lãi thì lãi suất áp dụng là 11,2 % / 01 năm, đến ngày 23/8/2016 Lãi suất điều chỉnh là 11,5%/01 năm. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh T đã giải ngân cho ông Lê Ngọc Đ – bà Lê Thị V số tiền 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn*) theo khế ước nhận nợ số: LD1532769602 ngày 23/11/2015.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay của ông Lê Ngọc Đ – bà Lê Thị V, ngày 19/11/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh T và ông Lê Ngọc Đ, bà Lê Thị V đã ký Hợp đồng thế chấp ô tô số: 93901.15.843.2532830.BĐ. Theo đó, ông Lê Ngọc Đ – bà Lê Thị V thế chấp tài sản là “Xe ô tô thuộc quyền sở hữu của Ông Lê Ngọc Đ – bà Lê Thị V, có đặc điểm như sau: Loại xe tải tự đổ, nhãn hiệu TMT, số chỗ ngồi 03, số loại: KC90D, số khung: 650DF1K00198, số máy: 1BNW15000148, biển số: 36C-136.69, màu sơn: xanh ” để bảo đảm cho khoản vay 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn*).

Hợp đồng thế chấp ô tô số: 93901.15.843.2532830.BĐ được công chứng tại Văn phòng Công chứng H và được đăng ký thế chấp trực tuyến tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Sau khi giải ngân và đến các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, ông Lê Ngọc Đ – bà Lê Thị V đã trả một phần tiền gốc và tiền lãi đến ngày 25/7/ 2016(tiền gốc là 38.694.731đ, tiền lãi là 12.730.330 đồng) Tính từ ngày 25/7/2016 ông Đ, bà V không thực hiện đúng theo nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định tại Điều 6

của Hợp đồng tín dụng số: 93900.15.843.2532830.TD ngày 19/11/2015, cụ thể là từ ngày 25/7/2016 đến nay ông Lê Ngọc Đ – bà Lê Thị V không thanh toán bất kỳ một khoản tiền gốc và tiền lãi nào cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh T, Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh T đã nhiều lần cử cán bộ đến liên hệ làm việc nhưng ông Lê Ngọc Đ – bà Lê Thị V không hợp tác với Ngân hàng.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử người đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu về hợp đồng thế chấp xe ô tô BKS 36C 136.69 chỉ yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà V phải trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi đã vay theo hợp đồng tín dụng số: 93900.15.843.2532830.TD ngày 19/11/2015

Đến nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q, Chi nhánh T, phòng giao dịch L xác nhận tính đến ngày 26/9/2017 ông Lê Ngọc Đ, bà Lê Thị V còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền gốc còn lại là 191.305.269 đồng và số tiền tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25/7/2016 đến ngày xét xử cụ thể: Tiền lãi của dư nợ gốc trong hạn là 21.899.787 đồng; tiền lãi của dư nợ gốc quá hạn là 6.321.188 đồng và yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà V phải trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 26/9/2017 là 219.526.244 đồng.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2017 và các lời trình bày tại tòa án bị đơn là ông Lê Ngọc Đ trình bày:

Ông đồng ý với những yêu cầu (những lời khai) của Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh T là đúng. Ông trình bày lý do của việc không trả được nợ vay đúng hạn là do hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình ông rất khó khăn vợ ông là Lê Thị V đã bỏ đi làm xa không biết địa chỉ ở đâu. Nay ông xác định đây là khoản vay chung của vợ, chồng ông, ông xin được trả nợ dần cho Ngân hàng mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị V đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các loại văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà Lê Thị V đều vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện của Ngân hàng Quân đội không thống nhất với phương án trả nợ của ông Lê Ngọc Đ mà đề nghị ông Đ, bà V phải trả nợ ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng thẩm phán, hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện

đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q buộc ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền gốc đã vay còn lại là 191.305.269 đồng và toàn bộ số tiền lãi của dư nợ gốc trong hạn là 21.899.787 đồng; tiền lãi của dư nợ gốc quá hạn là 6.321.188 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Về án phí: Buộc ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Bà Lê Thị V đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải nhiều lần nhưng bà V đều vắng mặt không có lý do. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử bà V cũng hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Ông Lê Ngọc Đ đã có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, tại phiên tòa lần thứ hai vào ngày 26/9/2017, ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V đã vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về áp dụng điều luật: Giao dịch dân sự giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V được thực hiện xong trước ngày bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Vì vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự

2005 để giải quyết vụ án là phù hợp với điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc: Hợp đồng tín dụng số: 93900.15.843.2532830.TD ký ngày 19/11/2015 được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật tổ chức tín dụng và phù hợp với các quy định về việc cho vay tài sản của Bộ luật Dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ngày 23/11/2015 ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ, bà V vay số tiền 230.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ và bà V mới trả được cho ngân hàng số tiền gốc là 38.694.731 đồng. Kể từ ngày 25/8/2016 ông Đ và bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng. Đến nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q đề nghị Tòa án buộc ông Đ và bà V phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 191.305.269 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay ưu đãi, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phạt do chậm trả lãi đối với các khoản tiền lãi đến ngày thanh toán tại hợp đồng tín dụng số 93.900.15.843.2532830.TD ngày 19/11/2015 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 23/11/2015 là sự tự nguyện của các bên và phù hợp với quy định của Luật tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Quá trình vay nợ từ tháng 11/2015 đến tháng 7/2016 ông Đ và bà V đã thanh toán cho ngân hàng số tiền lãi là 12.730.330 đồng. Kể từ ngày 25/7/2016 hộ ông Đ và bà V đã không trả tiền lãi cho ngân hàng vì vậy việc ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà V phải trả số tiền lãi của dư nợ gốc trong hạn và tiền lãi của dư nợ gốc quá hạn từ ngày 25/7/2016 đến ngày xét xử ngày 26/9/2017 với tổng số tiền 28.220.975 đồng trong đó 21.899.787 đồng là tiền lãi của dư nợ gốc trong hạn và 6.321.188 đồng là tiền lãi của dư nợ gốc quá hạn là đúng với hợp đồng tín dụng và đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ như hai bên đã ký kết nên được chấp nhận.

[5] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về hợp đồng thế chấp tài sản của Ngân hàng thương mại cổ phần Q Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu về hợp đồng thế chấp xe ô tô BKS 36C 136.69 chỉ yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà V phải trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi đã vay theo hợp đồng tín dụng số: 93900.15.843.2532830.TD ngày 19/11/2015. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là ô tô biển kiểm soát 36C-136.69 có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017225 do Phòng CSGT – CA tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Lê Ngọc Đ để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên yêu cầu này được đình chỉ.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: $(191.305.269 \text{ đồng tiền gốc} + 28.220.975 \text{ đồng tiền lãi}) \times 5\% = 10.976.312 \text{ đ}$ (Mười triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm mười hai đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q được chấp nhận nên trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nội dung án lệ số 08/2016/AL; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử : Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V về việc trả toàn bộ số tiền gốc đã vay và tiền lãi phát sinh.

2. Buộc ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền 219.526.244 đồng (Hai trăm mười chín triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 191.305.269 đ (Một trăm chín mươi một triệu ba trăm linh năm nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng), tiền của dư nợ gốc trong hạn là 21.899.787 đ (Hai mươi một triệu tám trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng), tiền lãi của dư nợ gốc quá hạn là 6.321.188 đ (Sáu triệu ba trăm hai mươi một nghìn một trăm tám mươi tám đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Lãi suất tại thời điểm tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là 17.25 % / 01 năm). Trường hợp

có điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì lãi suất mà ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp là ô tô biển kiểm soát 36C-136.69, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017225 do Phòng CSGT – CA tỉnh Thanh Hóa cấp cho ông Lê Ngọc Đ để thu hồi nợ trong trường hợp ông Đà và bà V không thanh toán nợ cho ngân hàng

4. Về án phí: ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V phải nộp 10.976.312 đ (Mười triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm mười hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.127.000 đ (Năm triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí tòa án số AA/2013/02632 ngày 11/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Ông Lê Ngọc Đ và bà Lê Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

